TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 – 11 - 2019
V/v ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 500/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 507/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Bé T, sinh năm 1998; cư trú tại: Ấp HH, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh Lư Chí T1, sinh năm 1998; cư trú tại: Ấp TV, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Bé T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lư Chí T1 tổ chức đám cưới năm 2018, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau xãy ra nhiều mâu thuẫn do thường xuyên cải nhau vì bất đồng quan điểm. Mặc dù gia đình và thân tộc hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành. Nay chị T yêu cầu Tòa án không công nhận chị với anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Lư Nguyễn Nhã T2, sinh ngày 24/11/2018 hiện cháu đang sống chung với gia đình anh T1 là do ngày 10/10/2019 lợi dụng việc chị giữ cháu một mình nên bà nội cháu đến đem cháu về chị không hay biết. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Anh Lư Chí T1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định lời trình bày của chị T về thời gian tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Nay anh đồng ý không công nhận vợ chồng với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lư Nguyễn Nhã T2, sinh ngày 24/11/2018. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu T2 cho chị Thảo nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại phiên tòa: Chị T, anh T1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Bé T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Lư Chí T1 là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ngày 08/11/2019, tại phiên hòa giải chị T và anh T1 yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2018, chị T và anh T1 chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu T2 chưa tròn 12 tháng tuổi, hiện đang sống chung với anh T1. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, anh T1 đồng ý giao con cho chị T nuôi. Xét thấy: Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên được Hội

đồng xét xử chấp nhận. Và sự thỏa thuận này cũng phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về án phí dân sự: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 14; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Bé T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Bé T với anh Lư Chí T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Lư Chí T1 phải có nghĩa vụ giao cháu Lư Nguyễn Nhã T2, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Nguyễn Bé T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lư Chí T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009786 ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Nguyễn Bé T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Minh Thịnh